

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình về “Giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính thông qua các nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, bảo tồn trữ lượng các bon, quản lý bền vững tài nguyên rừng và tăng trữ lượng các bon rừng”, giai đoạn 2011-2020 ở Việt Nam

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ yêu cầu, thỏa thuận quốc tế tại cuộc họp thượng đỉnh các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 13, lần thứ 15, lần thứ 16;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số...../TTr – BNN-TCLN ngày....tháng.....năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình về Giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính (sau đây gọi chung là Chương trình giảm phát thải khí) thông qua các nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, bảo tồn trữ lượng các bon, quản lý bền vững tài nguyên rừng và tăng trữ lượng các bon rừng (sau đây gọi chung là REDD+) giai đoạn 2011-2020 ở Việt Nam , bao gồm các nội dung chính sau đây:

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đóng góp vào việc giảm phát thải khí, tăng trữ lượng các bon rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, đồng thời góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam.

1. 2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2011-2015

- Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng triển khai REDD+ ở Việt Nam thông qua nâng cao năng lực và phát triển thể chế cho các tổ chức, cá nhân có liên quan ở cấp trung ương và địa phương;

- Góp phần giảm phát thải khí từ những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, tăng trữ lượng các bon rừng, bảo tồn bể chứa các bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng tại các điểm trình diễn ở các tỉnh thí điểm;

- Thực hiện chi trả dựa vào sự tham gia và kết quả giảm phát thải khí, tăng trữ lượng các bon rừng tại các điểm trình diễn ở các tỉnh thí điểm.

b) Giai đoạn 2016-2020

- Giảm phát thải khí thông qua những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, tăng trữ lượng các bon rừng thông qua hoạt động bảo tồn rừng, phục hồi rừng, quản lý rừng bền vững trong phạm vi toàn quốc;

- Thực hiện chi trả dựa vào kết quả giảm phát thải khí, tăng trữ lượng các bon rừng trong phạm vi toàn quốc;

- Góp phần cải thiện sinh kế cho người dân trong vùng thực hiện Chương trình REDD+; quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên sinh học, bảo vệ môi trường, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

2. Nguyên tắc chỉ đạo trong xây dựng và thực hiện Chương trình

a) Phù hợp với chính sách, luật pháp của Việt Nam và tuân thủ các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập;

b) Chương trình được thực hiện đồng bộ, theo giai đoạn và có trọng điểm; cơ chế điều hành minh bạch, tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị hiện đại;

c) Các hoạt động của Chương trình được quyết định công khai, dân chủ, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng, tôn trọng lợi ích và quyền của các bên tham gia, nâng cao sinh kế bền vững, tôn trọng truyền thống và phong tục của đồng bào dân tộc thiểu số; thúc đẩy bình đẳng giới;

d) Chương trình được gắn kết, lồng ghép với các quy hoạch, kế hoạch, chính sách của các ngành và địa phương có liên quan theo hướng cân bằng các mục tiêu và lợi ích của các ngành và địa phương.

3. Thời gian, phạm vi thực hiện Chương trình

a) Thời gian thực hiện

Giai đoạn I: 2011 – 2015;

Giai đoạn II: 2016-2020.

b) Phạm vi thực hiện

Chương trình REDD+ thực hiện trên địa bàn các tỉnh có rừng và liên quan đến rừng.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Giai đoạn 2011-2015

1.1. Nâng cao năng lực và phát triển thể chế quản lý các hoạt động REDD+ tại Việt Nam

a) Mục tiêu

Đảm bảo năng lực vận hành về cơ cấu tổ chức và quản lý chương trình REDD+ ở Trung ương và các địa phương.

b) Nội dung

- Tổ chức hội thảo, tuyên truyền, hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ tham gia Chương trình REDD+ ở Trung ương và cấp tỉnh;

- Hỗ trợ xây dựng và điều chỉnh thể chế ở các cơ quan quản lý nhà nước cho phù hợp với yêu cầu của REDD+;

- Lựa chọn một số tỉnh triển khai dự án thí điểm về REDD+, làm cơ sở bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách cho việc vận hành REDD+ ở Việt Nam.

1.2. Thiết lập mức phát thải tham chiếu rừng (RELS)/mức tham chiếu rừng (RLs)

1.2.1. Mục tiêu

Xác định được mức phát thải tham chiếu rừng (RELS)/mức tham chiếu rừng (RLs) cho từng hoạt động thích hợp theo cơ chế REDD+.

1.2.2. Nội dung

a) Tập hợp, rà soát, đánh giá chất lượng dữ liệu phục vụ cho việc thiết lập RELS/RLs;

b) Thiết lập RELS/ RLs quốc gia cho từng hoạt động liên quan đến phạm vi của cơ chế REDD+ đang được đàm phán theo Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC);

c) Thiết lập RELS/RLs tại các tỉnh được lựa chọn thí điểm.

1.3. Thiết lập và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo và kiểm chứng (MRV)

1.3.1. Mục tiêu

Hệ thống MRV quốc gia được thành lập và vận hành phục vụ cho triển khai Chương trình REDD+.

1.3.2. Nguyên tắc thiết lập và thực hiện

a) Hệ thống MRV phải tuân theo hướng dẫn của Ủy ban hợp tác liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), hỗ trợ cho quá trình thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC);

b) MRV được triển khai phù hợp với điều kiện Việt Nam, tận dụng các năng lực và thông tin hiện có; đảm bảo tính hiệu quả và đa mục tiêu; việc xây dựng và thực thi các giải pháp phải tuân tự theo từng giai đoạn, có sự tham gia của các bên liên quan;

c) Tăng cường sử dụng bộ máy quản lý của các tổ chức hiện có liên quan, chỉ thiết lập tổ chức mới nếu cần thiết;

d) Phải thực hiện đồng bộ tất cả các lĩnh vực của hệ thống với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về xây dựng năng lực kỹ thuật và phát triển thể chế;

e) Bảo đảm chế độ báo cáo cấp tỉnh và quốc gia về phát thải khí 4 năm 1 lần và được cập nhật 2 năm 1 lần;

g) Chính phủ Việt Nam có trách nhiệm đầy đủ và duy nhất đối với hệ thống MRV của Việt Nam.

1.3.3. Nội dung

a) Thiết lập Hệ thống theo dõi, giám sát rừng minh bạch và hiệu quả để giám sát và báo cáo về các hoạt động trong phạm vi REDD+, bao gồm:

- Hệ thống theo dõi, giám sát rừng cấp quốc gia toàn diện và quản lý dữ liệu của hệ thống để thực hiện các cam kết của Việt Nam đối với UNFCCC về MRV. Tập trung vào các dữ liệu hoạt động về phát thải khí và dịch chuyển phát thải, cơ chế chia sẻ lợi ích (BDS) cũng như việc thực hiện Chương trình về REDD+. Các hoạt động trên phải có sự liên kết và hỗ trợ lẫn nhau;

- Hệ thống theo dõi, giám sát rừng cấp quốc gia sẽ được hỗ trợ cung cấp thông tin cần thiết bởi: i) Hệ thống quản lý đất lâm nghiệp (FLMS); ii) Hệ thống kiểm kê rừng quốc gia (NFI); iii) Hệ thống kiểm kê khí nhà kính (GHGI);

- Kết nối các hệ thống theo dõi, giám sát rừng cấp tỉnh vào hệ thống giám sát rừng cấp quốc gia.

b) Vận hành hệ thống theo dõi, giám sát phát thải khí và dịch chuyển phát thải khí tại các tỉnh được lựa chọn thí điểm.

c) Thực hiện các báo cáo về giảm phát thải khí và dịch chuyển phát thải khí theo yêu cầu của cơ chế REDD+ và quy định của UNFCCC.

d) Kiểm chứng giảm phát thải và dịch chuyển phát thải

- Chính phủ Việt Nam sẽ quy định thủ tục kiểm chứng nhằm bảo đảm báo cáo về cắt giảm khí thải và chuyển dịch phát thải khí đáp ứng các tiêu chí của UNFCCC.

- Tiến hành kiểm chứng giảm phát thải khí và dịch chuyển phát thải khí tại một số tỉnh được chọn làm thí điểm.

1.4. Quản lý tài chính Chương trình REDD+

1.4.1. Thành lập và tổ chức quản lý Quỹ REDD+

1.4.1.1. Mục đích thành lập Quỹ

a) Huy động các nguồn lực của xã hội, từ trong nước và quốc tế để thực hiện mục tiêu của Chương trình REDD+;

b) Phối hợp với các bên cung cấp nguồn tài trợ cho quỹ REDD+, xác định số tiền của từng đơn vị, cá nhân tài trợ; tiếp nhận nguồn tiền tài trợ cho Quỹ REDD+, thực hiện giải ngân theo dự án/chương trình được Hội đồng quản lý Quỹ REDD+ thẩm định phê duyệt quyết định đầu tư;

c) Tham mưu giúp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện giải ngân các dự án/ chương trình, đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước và quy định của Tổ chức REDD+ Quốc tế.

1.4.1.2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ REDD+

a) Quỹ REDD+ Việt Nam là một quỹ ủy thác, không hòa vào nguồn ngân sách của Nhà nước như các nguồn thu khác của ngân sách, Quỹ này không được sử dụng cho các mục đích khác ngoài REDD⁺; hoạt động giải ngân của quỹ theo đúng mục tiêu, đối tượng, quy chế của tổ chức REDD⁺ quốc tế;

b) Quỹ REDD+ hoạt động mang tính xã hội và vì môi trường, nhằm góp phần thúc đẩy các thành viên trong xã hội tham gia bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường; Quỹ REDD+ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận\;

c) Quỹ REDD+ hoạt động phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của luật pháp Việt Nam và điều ước, thỏa thuận quốc tế.

1. 4.1.3. Nguồn thu của Quỹ REDD+

- a) Nguồn viện trợ song phương và đa phương của các nước, các tổ chức quốc tế cho Quỹ REDD+ Việt Nam;
- b) Nguồn đóng góp ủy thác cho Quỹ REDD+ từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế;
- c) Nguồn thu từ việc bán tín chỉ Các bon từ REDD+ trên sàn giao dịch quốc tế

1.4.1.4. Cơ cấu tổ chức Quỹ

a) Thành lập Văn phòng Quỹ REDD+ Việt Nam (sau đây gọi là Quỹ trung ương) trực thuộc Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập và quản lý;

b) Văn phòng Quỹ trung ương có Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ, gồm có Hội đồng quản lý Quỹ có đại diện của đối tác quốc tế, đại diện của tổ chức xã hội dân sự (sau đây gọi tắt là Hội đồng); Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam đồng thời được sử dụng để thực hiện các hoạt động theo chức năng đối với Quỹ REDD+;

c) Hội đồng quản lý Quỹ REDD+ do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập, có thành phần là đại diện của bên đối tác REDD+ quốc tế, đại diện tổ chức xã hội dân sự của Việt Nam tham gia;

d) Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan ban hành Quy chế về tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Bộ máy quản lý điều hành Quỹ; cơ chế tài chính đối với việc quản lý và sử dụng tài khoản Quỹ phù hợp với quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và các điều ước, thỏa thuận quốc tế liên quan đến REDD+;

e) Giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể quy chế về tổ chức và hoạt động giải ngân, cơ chế tài chính về quản lý, sử dụng tài khoản Quỹ REDD+ thuộc Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh phù hợp với quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các điều ước, thỏa thuận quốc tế liên quan đến REDD+;

g) Đối với các tỉnh có diện tích rừng và đất lâm nghiệp lớn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cho phép thành lập Quỹ REDD+ cấp huyện.

1.4.2. Thực hiện phân phối và chi trả của Quỹ REDD+ theo hệ thống chia sẻ lợi ích (BDS)

1.4.2.1. Những nguyên tắc của BDS

- Tính kịp thời: việc chi trả phải được thực hiện ngay từ các hoạt động ban đầu của quá trình thực hiện REDD+; tần suất các đợt chi trả phải thường xuyên hơn

(chi trả hàng năm) so với tần suất đánh giá, kiểm chứng của hệ thống MRV thực hiện theo định kỳ;

- Tính tương xứng: mức chi trả trực tiếp và gián tiếp cho các chủ thể được chi trả cuối cùng phải tương xứng với các chi phí của họ đã bỏ ra để duy trì các hoạt động REDD+;

- Tính công bằng: bảo đảm mức chi trả cho người thụ hưởng tương xứng với những nỗ lực thực hiện REDD+ của họ có tính đến sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, xã hội và kinh tế;

- Tính linh hoạt: việc chi trả phải căn cứ vào tình hình thực tế của từng địa phương tham gia một hoặc một số hoạt động REDD+. Do đó, BDS phải được thiết kế theo mô hình đáp ứng sự đa dạng về sự tham gia và phân quyền về quyết định cho Quỹ REDD+ địa phương;

- Tính hiệu quả: các chi phí quản lý sử dụng Quỹ REDD+ phải được sử dụng tiết kiệm và được giám sát nhằm tăng tối đa nguồn lực tài chính chi trả cho các đối tượng thụ hưởng cuối cùng;

- Tính hiệu suất: Các quy trình, thủ tục thực hiện BDS phải bảo đảm tiết kiệm thời gian và chi phí để tăng nguồn tài chính chi trả trực tiếp và gián tiếp cho người được chi trả, góp phần nâng cao hiệu quả Chương trình REDD+;

- Tính minh bạch: các quyết định trong vận hành BDS phải tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực thống nhất, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, công khai và kiểm chứng được với sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự;

- Tính tuân thủ: BDS phải được thể chế hóa bằng các quy định mang tính pháp lý với các chế tài bắt buộc thi hành.

1.4.2.2. Sử dụng nguồn tài chính của Quỹ REDD+

Nguồn tài chính của Quỹ REDD+ được phân phối như sau:

a) Chi cho các hoạt động quản lý REDD+ cấp Trung ương:

- Trang trải các chi phí cho các hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Văn phòng Quỹ trung ương theo quy chế chi tiêu tài chính chung của Nhà nước về quản lý các chương trình mục tiêu và quỹ quốc gia;

- Trích một tỷ lệ phần trăm theo định mức của Bộ Tài chính quy định cho công tác hành chính và nghiệp vụ của Quỹ trung ương (coi như tiền dịch vụ ủy thác);

- Chi trả tiền lương cho các chuyên gia (trong nước và quốc tế) làm việc theo hợp đồng tại Quỹ trung ương;

- Chi theo nội dung các Dự án/Chương trình REDD+ đã được Hội đồng quản lý quỹ thẩm định phê duyệt đầu tư.

b) Chi cho các hoạt động quản lý Quỹ REDD+ cấp địa phương:

- Trích tỷ lệ để lại phục vụ các hoạt động của Quỹ cấp tỉnh và cấp huyện (nếu có) theo quy định tại Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ;

- Chi theo nội dung các Dự án/Chương trình REDD+ (ngoài vùng lâm nghiệp hoặc có liên quan đến vùng lâm nghiệp) đã được Hội đồng quản lý quỹ thẩm định, phê duyệt, quyết định đầu tư;

- Chi trả các chủ rừng để thực hiện phân phối đến người lao động theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ.

1.4.2.3. Thiết lập cơ chế chia sẻ lợi ích (BDS)

a) Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chia sẻ lợi ích (BDS) phù hợp với quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ và các điều ước, thỏa thuận quốc tế liên quan đến REDD+ áp dụng trong phạm vi toàn quốc;

b) Giao chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, hướng dẫn cách tính số tiền chi trả từ Quỹ REDD+ địa phương; mức trích tỷ lệ phần trăm (%) để đầu tư hỗ trợ các dự án ngoài vùng lâm nghiệp hoặc có liên quan đến vùng lâm nghiệp và mức trích tỷ lệ phần trăm (%) để chi trả cho các chủ rừng, xác định hệ số chi trả (hệ số R) phù hợp với dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon rừng trên cơ sở vận dụng hệ số K được quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ, tạo thuận lợi cho việc giải ngân Quỹ REDD+ phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

2. Giai đoạn 2016-2020

a) Hoàn thiện hệ thống MRV bền vững cho REDD+: Thiết lập hệ thống MRV bền vững cho REDD+. Hệ thống MRV hoạt động đầy đủ trách nhiệm giải trình ở mức độ quốc tế., thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa hệ thống này với các bên liên quan ở cấp quốc gia và địa phương, như hệ thống kiểm kê rừng Quốc gia (NFI), hệ thống thống tin lâm nghiệp (FORMIS), hệ thống kiểm kê khí nhà kính để báo cáo cho UNFCCC;

b) Giảm phát thải đạt yêu cầu của UNFCCC;

c) Hoàn thiện hệ thống chia sẻ lợi ích (BDS) trên cơ sở dựa vào kết quả giảm phát thải khí hoặc tăng trữ lượng các bon rừng trong phạm vi toàn quốc;

d) Thông tin phải được tài liệu hóa và phù hợp với các yêu cầu nêu trong các hướng dẫn của UNFCCC.

III. CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP (PAM) GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến các hoạt động theo cơ chế REDD+

1.1. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quản lý đất đai, tài nguyên rừng

a) Hoàn thiện các quy định của pháp luật về quy hoạch sử dụng đất nói chung, trong đó có quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp làm cơ sở pháp lý cho việc xác lập lâm phận quốc gia ổn định và diện tích rừng đưa vào Chương trình về REDD+;

b) Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến thể chế hóa quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng của chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tạo cơ sở pháp lý cho việc nhận các khoản chi trả REDD+;

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp ổn định lâu dài từ các tổ chức Nhà nước cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.

1.2. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quản lý tài chính.

a) Nghiên cứu, xây dựng khung pháp lý về cơ chế tài chính quản lý nguồn thu từ REDD+, trong đó có cơ chế chia sẻ lợi ích (BDS) từ REDD+;

c) Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư của khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài vào việc bảo vệ và phát triển rừng;

c) Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện một số cơ chế, chính sách có tính đặc thù lâm nghiệp, như thuế tài nguyên rừng; liên doanh, liên kết công tư trồng rừng, chế biến lâm sản...

1.3. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan tới khía cạnh quản lý kỹ thuật liên quan đến Chương trình REDD+

a) Hoàn thiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật về trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, cải tạo, nuôi dưỡng và làm giàu rừng, phòng trừ sâu bệnh, phòng, chống cháy rừng;

b) Hoàn thiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật, cách thức tiến hành điều tra, đánh giá, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng để thu thập số liệu cần thiết phục vụ cho tính toán lượng giảm phát thải khí của REDD+;

c) Nghiên cứu, xây dựng các tiêu chuẩn, phương pháp giám sát và kiểm chứng kết quả REDD+ phù hợp với năng lực của quốc gia, Ủy ban quốc tế về biến đổi khí hậu (IPCC);

1.4. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến thực thi luật lâm nghiệp và thương mại lâm sản

a) Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quản lý rừng bền vững, đảm bảo tính hợp pháp của gỗ và sản phẩm gỗ: xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về quản lý tài nguyên rừng bền vững (FSCFM), chuỗi hành trình sản phẩm (FSC CoC); hoàn thiện các quy định về hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ phù hợp với thông lệ quốc tế.; hoàn thiện các quy trình cấp phép xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ;

b) Hoàn thiện chính sách khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến tiêu thụ gỗ rừng trồng và chế biến xuất khẩu sản phẩm từ rừng trồng, lâm sản ngoài gỗ;

c) Hoàn thiện chế tài xử phạt đối với hoạt động khai thác gỗ, buôn bán gỗ và các sản phẩm gỗ bất hợp pháp;

1.5. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách đầu tư vào thị trường các bon rừng, trao đổi, mua bán tín chỉ các bon rừng

2. Các giải pháp chủ yếu

2.1. Nhóm giải pháp góp phần hạn chế mất rừng và suy thoái rừng

a) Rà soát, quy hoạch ổn định đất đai sử dụng vào mục đích nông, lâm, thủy sản và các mục đích sử dụng khác có liên quan:

- Rà soát đất đai, quy hoạch lâm nghiệp và khoanh định diện tích rừng và đất lâm nghiệp đưa vào Chương trình REDD+;

- Rà soát đất đai, quy hoạch sử dụng đất vào mục đích sử dụng nông nghiệp, thủy sản và các loại đất khác có liên quan.

b) Giao rừng, cho thuê rừng:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh có rừng tổ chức rà soát việc giao rừng, cho thuê rừng đảm bảo tất cả diện tích rừng trên địa bàn có chủ quản lý cụ thể, gắn công tác giao rừng, cho thuê rừng với giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Những diện tích rừng do Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức nhà nước (Ban quản lý rừng, Công ty lâm nghiệp) quản lý kém hiệu quả hoặc chưa sử dụng phải được tổ chức giao hoặc cho thuê cho các hộ gia đình, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp tư nhân, trong đó ưu tiên giao cho các cộng đồng dân cư tại chỗ có nhu cầu và có điều kiện bảo vệ.

c) Tăng cường giám sát thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng và thương mại lâm sản, góp phần giảm suy thoái rừng:

- Áp dụng khai thác gỗ tác động thấp (RIL);
- Phát triển hệ thống hành chính và kỹ thuật để giám sát những hoạt động khai thác, xác định và truy xuất nguồn gốc gỗ; đảm bảo gỗ hợp pháp trong khai thác (cho tất cả các loại hình rừng tự nhiên và rừng trồng), vận chuyển, chế biến và xuất khẩu; đảm bảo gỗ nhập khẩu là gỗ hợp pháp;
- Phát triển các mô hình hợp tác công-tư; liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp với các hộ gia đình trong vấn đề phát triển nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến lâm sản;
- Kiện toàn hệ thống tổ chức kiểm lâm trong cả nước, tăng hợp lý biên chế kiểm lâm địa bàn cấp xã, kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng, đảm bảo tổng biên chế kiểm lâm toàn quốc bình quân 1.000 ha rừng có 01 kiểm lâm, đến năm 2015 sẽ bổ sung thêm khoảng trên 3.000 biên chế kiểm lâm. Đảm bảo các xã có rừng có kiểm lâm địa bàn, tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện toàn diện các hoạt động về lâm nghiệp;
- Tăng cường các tổ chức bảo vệ rừng tại các cộng đồng dân cư, trong các công ty lâm nghiệp, các ban quản lý rừng (những nơi không có Hạt kiểm lâm);. tăng cường trách nhiệm pháp lý và quyền hạn của lực lượng bảo vệ rừng ở cơ sở;
- Thực hiện chính sách khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn;
- Phát triển các cơ cấu vận hành để cưỡng chế thi hành luật pháp về rừng.
 - d) Phát triển rừng trồng, góp phần giảm áp lực đến rừng tự nhiên;
 - e) Thực hiện chương trình khuyến khích tạo việc làm nơi rừng bị phá và suy thoái;
 - g) Cải thiện các kỹ thuật canh tác đòi hỏi ít nhu cầu về đất nông nghiệp hơn. Nghiên cứu và phát triển thâm canh nông nghiệp.

2.2. Nhóm giải pháp góp phần tăng trữ lượng các bon rừng

- a) Nghiên cứu, áp dụng công nghệ nâng cao năng suất rừng trồng, rừng tự nhiên;
- b) Thực hiện làm giàu rừng trồng ở các khu vực đất bị suy thoái và phục hồi rừng tại khu bảo tồn và tại các khu vực khác;
- c) Khuyến khích phát triển mô hình trồng rừng có chứng chỉ quy mô hộ gia đình.

2.3. Các giải pháp chung

- a) Về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước: Hoàn thiện và thống nhất bộ máy quản lý hành chính lâm nghiệp các cấp từ trung ương tới các địa phương. Thực hiện phân

công, phân cấp cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan lâm nghiệp các cấp.

b) Xây dựng cơ chế điều phối giữa các cơ quan quản lý nhà nước các cấp tham gia vào REDD+, đặc biệt là ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường trong việc chính thức hóa các chuẩn bị cho REDD+;

c) Đổi mới các hình thức tổ chức quản lý rừng:

- Tiếp tục chuyển các lâm trường sở hữu nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và phù hợp với cơ chế REDD+ (có thể tham gia trao đổi, mua bán tín chỉ các bon rừng);

- Tiếp tục đổi mới các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ phù hợp với cơ chế REDD+ (trao đổi, mua bán tín chỉ các bon rừng phòng hộ);

- Phát triển hình thức tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo trang trại, cộng đồng dân cư, hợp tác xã; tiếp tục thử nghiệm và tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi để nhân rộng các mô hình đồng quản lý rừng, quản lý rừng dựa vào cộng đồng, mô hình hợp tác công tư;

d) Huy động sự tham gia của người dân và cộng đồng địa phương trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát REDD+ (FPIC);

e) Phát triển hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát triển rừng:

- Tăng cường hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế để thu hút đầu tư, tìm kiếm các hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật để thực hiện bảo vệ và phát triển rừng;

- Tiếp tục thực hiện các thoả thuận đa phương về môi trường, các cam kết quốc tế liên quan đến lâm nghiệp mà Việt Nam tham gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH REDD+

1. Thành lập Ban Điều hành Trung ương và Văn phòng chương trình REDD+

Giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thành lập Ban Điều hành trung ương Chương trình REDD+, gồm đại diện lãnh đạo cấp Cục, Vụ thuộc các Bộ, ngành liên quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Chính phủ, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Ủy ban dân tộc. Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Trưởng ban;

b) Thành lập Văn phòng Chương trình REDD+, là bộ phận giúp việc Ban Điều hành Trung ương điều phối các hoạt động của Chương trình, đặt tại Tổng cục Lâm nghiệp;

c) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Điều hành trung ương, Văn phòng

Chương trình REDD+ theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan (kể cả tổ chức quốc tế) nghiên cứu xây dựng và ban hành văn bản quy định về cơ cấu quản trị Chương trình REDD+ phù hợp với pháp luật Việt Nam, các điều ước, thỏa thuận quốc tế liên quan đến REDD+.

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành liên quan

2.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- a) Là cơ quan đầu mối về Chương trình REDD+;
- b) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động của Bộ về triển khai Chương trình REDD+, trong đó giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc có liên quan thực hiện các hoạt động theo kế hoạch được phê duyệt;
- c) Xây dựng cơ chế, chính sách trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
- d) Tính toán kinh phí cần thiết, tổng hợp kế hoạch vốn hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Ngân sách;
- e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức giám sát và đánh giá Chương trình REDD+;
- g) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình, đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền;
- h) Chủ trì các cuộc đàm phán quốc tế về REDD+.

2.2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

- a) Là cơ quan chủ trì về biến đổi khí hậu và là đầu mối quốc gia đối với Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) và cơ chế phát triển sạch (CDM). Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo cho UNFCCC về REDD+;
- b) Chịu trách nhiệm về quy hoạch và quản lý đất lâm nghiệp và phối hợp lồng ghép REDD+ vào quy hoạch sử dụng đất;
- c) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách về giao, cho thuê đất lâm nghiệp đáp ứng các yêu cầu của REDD+;
- d) Giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc có liên quan phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc giám sát, báo cáo giảm phát thải khí của Việt Nam cho UNFCCC.

2.3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế, chính sách để quản lý và thực hiện Chương trình REDD+.

2.4. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế, chính sách để quản lý và thực hiện Chương trình REDD+;

b) Phối hợp với các cơ quan quốc tế về các vấn đề thanh toán liên quan đến REDD+;

c) Giám sát thực hiện về tài chính liên quan đến REDD+.

2.5. Bộ Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và nhân dân trong việc bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện Chương trình REDD+.

2.6. Văn phòng Chính phủ

Tham gia hoạt động kiểm tra, đánh giá tổng thể của Chương trình về REDD+.

2.7. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi quản lý nhà nước của mình, các Bộ, ngành chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trong việc thực hiện Chương trình REDD+.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Chương trình REDD+ tại địa phương

b) Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Trưởng ban

c) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cùng cấp xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch hành động, các đề án, dự án để triển khai Chương trình REDD+ tại địa phương

d) Chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép các hoạt động liên quan của các Chương trình khác trên địa bàn để đạt được các mục tiêu của Chương trình

e) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Chương trình của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn theo quy định tại Chương trình này

g) Đảm bảo và tuân thủ các nguyên tắc giám sát, đánh giá quy định trong Chương trình

h) Định kỳ báo cáo về tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn tỉnh, thành phố theo quy định hiện hành

i) Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động tham gia vào các hoạt động liên quan đến Chương trình.

V. GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ THÔNG TIN VỀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN

1. Giám sát và đánh giá Chương trình

a) Cơ chế theo dõi, giám sát và khiếu nại đối với việc thực hiện REDD+ phải đảm bảo sự minh bạch, có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể cấp cơ sở và xã hội dân sự.

b) Hệ thống MRV là công cụ chủ yếu trong giám sát và đánh giá của Chương trình REDD+.

c) Nội dung giám sát và đánh giá:

- Thực hiện quy hoạch và phân vùng sử dụng đất; quá trình giao đất, giao rừng, FPIC; các biện pháp bảo đảm;

- Các hoạt động trình diễn dựa trên kết quả tại các tỉnh được lựa chọn thí điểm;

- Giải ngân, chi trả của Quỹ REDD+, hệ thống chia sẻ lợi ích (BDS) và các giao dịch tài chính liên quan.

2. Thiết lập hệ thống thông tin về các biện pháp bảo đảm an toàn

a) Hệ thống MRV sẽ là công cụ chính có thể điều phối, hài hòa và tổng hợp tất cả các dữ liệu thu thập từ cấp quốc gia, tỉnh và cộng đồng liên quan đến REDD+.

b) Nội dung:

- Cung cấp thông tin về thực hiện các “biện pháp bảo đảm an toàn” theo điều ước, thỏa thuận quốc tế liên quan đến REDD+;

- Hệ thống MRV sẽ kết nối với các hệ thống thông tin khác hỗ trợ việc phân tích ở cấp quốc gia, kiểm chứng mức giảm phát thải khí và tăng trữ lượng các bon rừng, báo cáo cho cơ quan kiểm kê khí nhà kính quốc gia;

- MRV sẽ cung cấp các bằng chứng làm cơ sở để Quỹ REDD+ thực hiện việc chi trả cho người tham gia.

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức hệ thống thông tin về các biện pháp bảo đảm trong khuôn khổ Chương trình REDD+.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

THỦ TƯỚNG

**PHỤ LỤC 01. DANH MỤC CÁC HOẠT ĐỘNG, DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VỀ REDD+ Ở VIỆT NAM
GIAI ĐOẠN 2011-2015**

TT	Lĩnh vực	Hoạt động cụ thể	Cơ quan chủ trì	Sản phẩm	Thời gian thực hiện
1	Nâng cao năng lực và phát triển thể chế để quản lý các hoạt động REDD+ tại Việt Nam	1.1. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về REDD+ cho cán bộ, công chức của ngành ở Trung ương và cấp tỉnh	- Tổng cục lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và PTNT); - Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh có rừng	Các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về REDD+ cho cán bộ, công chức ngành lâm nghiệp và các ngành có liên quan ở Trung ương và cấp tỉnh được tổ chức	2012-2013
		1.2. Phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành lâm nghiệp và các ngành có liên quan về REDD+ ở cấp trung ương, cấp tỉnh	Tổng cục lâm nghiệp Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh có rừng	Các lớp phổ biến, tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành lâm nghiệp và các ngành có liên quan về REDD+ ở cấp trung ương, cấp tỉnh	2012-2013
		1.3. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng,	- Tổng cục lâm nghiệp	Các lớp đào tạo, bồi	2012-2013

tập huấn kiến thức về MRV, xây dựng REL/RI cho cán bộ chuyên môn có liên quan ở Trung ương và các tỉnh thí điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Viện Điều tra quy hoạch rừng. - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam. - Các tổ chức, dự án quốc tế 	dưỡng, tập huấn kiến thức về MRV cho cán bộ chuyên môn có liên quan ở trung ương và cấp tỉnh được tiến hành
---	---	---

2 Hoàn thiện khung pháp lý cho Chương trình về REDD+	2.1. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quản lý đất đai, tài nguyên rừng	Bộ Tài nguyên và Môi trường Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khung pháp lý liên quan đến quản lý đất đai, tài nguyên rừng được bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện	2012-2015
	2.2. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến quản lý tài chính REDD+	Bộ Tài chính Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khung pháp lý liên quan đến quản lý tài chính REDD+ được hoàn thiện	2012-2015
	2.3. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan tới khía cạnh quản lý kỹ thuật liên quan đến REDD+	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khung pháp lý liên quan tới khía cạnh quản lý kỹ thuật liên quan đến REDD+ được hoàn thiện	2012-2015
	2.4. Hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến thực thi luật lâm nghiệp và	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Khung pháp lý liên quan đến thực thi luật lâm nghiệp và	2012-2015

thương mại lâm sản

Bộ Công thương

thương mại lâm sản
được hoàn thiện

Bộ Tư pháp

3 Thiết lập mức phát thải tham chiếu rừng (REL)/mức tham chiếu rừng(RL)

3.1. Xây dựng kịch bản tham chiếu ở cấp quốc gia/ cấp tỉnh cho REDD+

Bộ Nông nghiệp và PTNT

- Kịch bản tham chiếu ở cấp quốc gia cho REDD+ được xây dựng.

Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Kịch bản tham chiếu cho REDD+ được xây dựng ở các tỉnh thí điểm

4 Thiết lập và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo và kiểm chứng (MRV)

4.1. Thiết lập hệ thống MRV quốc gia/ cấp tỉnh để giám sát và báo cáo về các hoạt động trong phạm vi cơ chế REDD+

Bộ Nông nghiệp và PTNT

Hệ thống MRV quốc gia/ cấp tỉnh được thiết lập

Bộ Tài nguyên và Môi trường

4.2. Theo dõi, giám sát phát thải khí và dịch chuyển phát thải khí tại các tỉnh được lựa chọn thí điểm

Hệ thống MRV quốc gia/ cấp tỉnh

Theo dõi, giám sát phát thải khí và dịch chuyển phát thải khí tại các tỉnh được lựa chọn thí điểm

4.3. Báo cáo và quản lý dữ liệu

Hệ thống MRV quốc gia/ cấp tỉnh

		4.4. Kiểm chứng giảm phát thải, tăng cường trữ lượng các bon và dịch chuyển phát thải tại các tỉnh thí điểm	Hệ thống MRV quốc gia/ cấp tỉnh	Kiểm chứng giảm phát thải, tăng cường trữ lượng các bon và dịch chuyển phát thải	2012-2015
5	Quản lý tài chính Chương trình về REDD+	5.1. Thành lập Quỹ REDD+ quốc gia	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Quỹ REDD+ quốc gia được thành lập	
		5.2. Thành lập Quỹ REDD+ cấp tỉnh tại các tỉnh thí điểm	UBND cấp tỉnh	Quỹ REDD+ cấp tỉnh được thành lập	2012-2013
		5.3. Thiết lập và vận hành hệ thống chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+(BDS) tại các tỉnh thí điểm	UBND cấp tỉnh	Hệ thống chi trả dựa vào kết quả thực hiện REDD+(BDS) tại các tỉnh thí được vận hành	2012-2015
6	Giám sát và đánh giá chương trình về REDD+	6.1. Giám sát và đánh giá chương trình quốc gia về REDD+	Bộ Nông nghiệp và PTNT Bộ Tài nguyên và Môi trường Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh thí điểm	Giám sát và đánh giá chương trình quốc gia về REDD+	2012-2015
7	Thiết lập hệ thống thông tin	7.1. Thiết lập hệ thống thông tin về các	-Tổng cục lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và	Hệ thống thông tin về các biện pháp bảo	2012-2015

tin về các biện pháp bảo đảm

21

PTNT)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Bộ Công thương

đảm được thiết lập và vận hành